

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Bà Hoàng Thị Yến

- Th1 ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Th1 ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Th P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Vũ Trần T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố X, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 08-4-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Th P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào ngày 28-4-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T ở Tiên Lãng đến đầu năm 2011 thì chuyển về tổ dân phố X, phường V, quận Đ sinh sống. Trong thời gian chung sống, vợ chồng Th1ờng xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình nên Th1ờng xuyên xảy ra cãi vã, xô xát,

xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng không thống nhất được với nhau về mọi việc trong cuộc sống. Anh T ham chơi theo bạn bè, thiếu quan tâm, trách nhiệm với vợ con, gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn liên lạc, quan tâm, trách nhiệm gì đối với nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Vũ Trần Phương Th, sinh ngày 24-10-2008 và Vũ Trần Minh Th1, sinh ngày 01-3-2012. Sau nhiều năm sống ly thân, năm 2018, anh T về đón cháu Th và cháu Th1 về ở cùng. Hiện tại, các cháu đang ở ổn định với anh T từ năm 2018 đến nay. Chị đề nghị giao các cháu Th1 và cháu Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị sẽ tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Trần T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xây dựng hạnh phúc với chị P trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng vào năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh ở Tiên Lãng được khoảng 02 năm thì chuyển về tổ dân phố X, phường V, quận Đ sinh sống. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn tình cảm. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không thống nhất được với nhau các vấn đề trong cuộc sống chung vợ chồng nên thường xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Điều kiện kinh tế gia đình còn khó khăn nên anh hưởng đến tâm lý vợ chồng. Vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ khó khăn lẫn nhau trong cuộc sống. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị P làm đơn xin ly hôn, anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung là Vũ Trần Phương Th, sinh ngày 24-10-2008 và Vũ Trần Minh Th1, sinh ngày 01-3-2012. Cháu Th và cháu Th1 đã sống ổn định cùng anh nhiều năm nay, các cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giao cháu Th và cháu Th1 cho anh nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh có công việc, Th nhập ổn định hàng tháng là hơn 15.000.000 đồng và có chỗ ở ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Anh không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc hiện nay phải đi làm xa, ít khi về nhà, công việc rất bận rộn, dịch bệnh Covid-19 nên anh không thể xin nghỉ để đến Tòa án làm việc được. Nếu xin nghỉ để đi về thì sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống của anh và các con. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại tổ dân phố và hai bên gia đình cho thấy: Trong thời gian chung sống chị P và anh T Th1 lòng xuyên phát sinh mâu thuẫn tình cảm, cuộc sống

hôn nhân không còn hòa Thân, hạnh phúc hay cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng quan điểm sống có nhiều sự bất đồng, khác biệt; điều kiện kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng lại thiếu sự quan T, chia sẻ lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng và không còn quan T gì đến nhau. Hiện nay, anh T đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th và cháu Th1.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th1 ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị P và anh T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2009 tại UBND thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng Th1ờng xuyên phát sinh mâu Thân tình cảm do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong chi tiêu, phát triển kinh tế gia đình. Xét thấy chị P và anh T hiện không còn tình cảm, đang sống ly thân và không còn quan T, trách nhiệm gì đến nhau đã vi phạm khoản 2 Điều 19 “2. *Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”. Do vậy đó căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị P.

Chị P và anh T có 02 con chung là Vũ Trần P Th, sinh ngày 24-10-2008 và Vũ Trần Minh Th1, sinh ngày 01-3-2012. Các cháu Th và Th1 đang ở với anh T và có nguyện vọng được ở với bố. Chị P cũng đề nghị Tòa án giao các con cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy về điều kiện nuôi con của anh T, nguyện vọng của các con, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như theo mong muốn nguyện vọng của các bên, căn cứ vào những tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị giao các cháu Th và Th1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh T; giao cháu Th1 và cháu Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Th1ờng vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc chị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị Th P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Vũ Trần T. Anh T có nơi đăng ký hộ khẩu Th1ờng trú tại tổ dân phố 5, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Anh T hiện đang sinh sống tại thôn Phi Có, xã Đa Rsal, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng nhưng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, chị P và anh T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh T.

Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị P và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 99, ngày 28-4-2009. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ Tòa án Th thập được xác định: Chị P và anh T kết hôn từ năm 2009. Trong thời gian chung sống, vợ chồng Th1ờng phát sinh mâu Thẫn tình cảm. Nguyên nhân là vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng lại thiếu sự quan T, chia sẻ lẫn nhau làm ảnh hưởng tiêu cực đến T lý của vợ chồng. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, gia đình hai bên cũng đã tác động, khuyên giải nhưng tình trạng hôn nhân của anh chị vẫn không thể cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm và không còn quan T gì đến nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Nay, chị P làm đơn xin ly hôn, anh T cũng xét thấy mâu Thẫn tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đồng ý ly hôn với chị P. Xét thấy, chị P và anh T mâu Thẫn đã trầm trọng, cả hai đã không còn quan T đến cuộc sống chung, bỏ mặc mỗi người một nơi, đều không muốn tiếp tục chung sống. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung là Vũ Trần P Th, sinh ngày 24-10-2008 và Vũ Trần Minh Th1, sinh ngày 01-3-2012. Xét thấy, anh T có nguyện vọng nhận nuôi cả 02 con và chị P cũng đề nghị giao các con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có công việc, Th nhập ổn định, có chỗ ở, các con đều có nguyện vọng ở với anh T và thực tế đã sống cùng với anh T trong thời gian dài. Gia đình anh T cũng cam đoan hỗ trợ anh T trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, để phù hợp với điều kiện thực tế của chị P và anh T, đảm bảo quyền lợi của

các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị P và anh T, giao cháu Th và cháu Th1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Th P được ly hôn anh Vũ Trần T.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Vũ Trần Phương Th, sinh ngày 24-10-2008 và cháu Vũ Trần Minh Th1, sinh ngày 01-3-2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị P và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết hoặc cho đến khi chị P và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0007198 ngày 28-5-20201 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị P và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Yến Nguyễn Thị Loan

Phạm Hữu Trường